

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày 29/12/2023	2,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	8.3%	0%

Hệ số nguy cơ phá sản

Z - score (sản xuất)
2023

-1.11**(Ca)**

Nguy hiểm

Hệ số nguy cơ phá sản

Z'' - score (phi sản xuất)
2023

-5.93**(Ca)**

Nguy hiểm

2023

DT thuần

142

tỷ VNĐ

YoY

▼ 46.0

▼ 24.7%

2023

LN sau
thuế**-10.4**

tỷ VNĐ

YoY

▼ 2.67

▼ 34.7%

2023

ROE

11.8%

+/- YoY

▲ 2.0%

2023

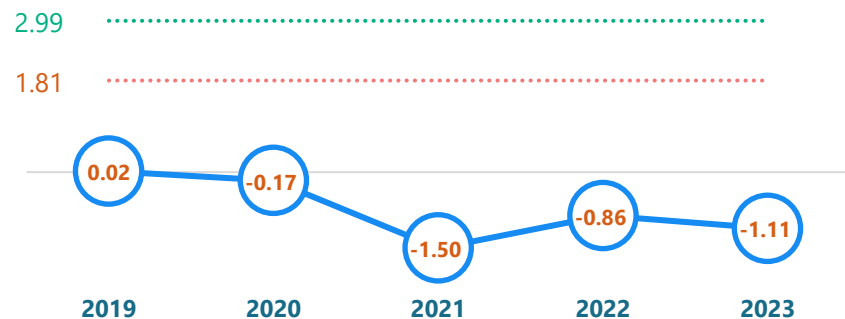
ROA

-4.5%

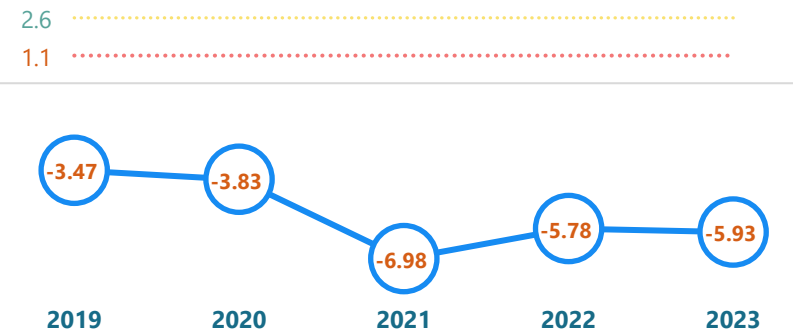
+/- YoY

▼ 1.0%

Z - Score



Z'' - Score



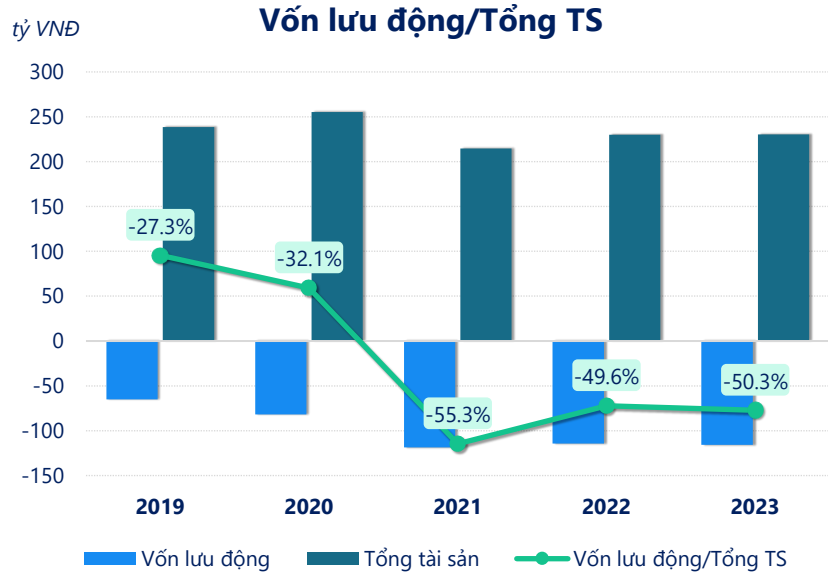
Xét với doanh nghiệp sản xuất: **Z-Score** của **CYC** năm **2023** đạt **-1.11**, **thấp hơn** so với năm 2022 (-0.86). **Z-Score < 1.81**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **CYC** năm **2023** đạt **-5.93**, thể hiện mức độ rủi ro phá sản rất cao, điều này cho thấy tình hình tài chính bất ổn rủi ro cao về thanh toán nợ.

Năm **2023**, **CYC** ghi nhận doanh thu thuần **141.7** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-10.41** tỷ đồng, lần lượt **giảm 24.7%** và **giảm 34.7%** so với năm trước.

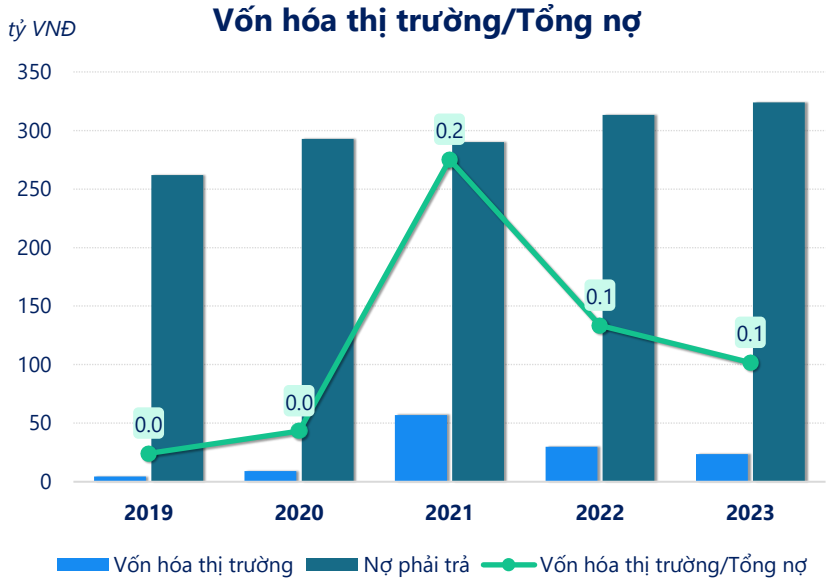
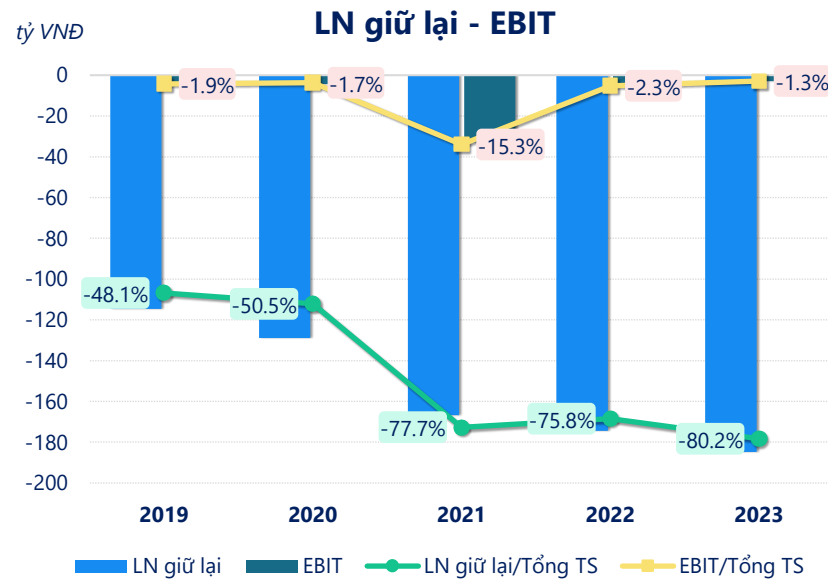
Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng 11.8% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

CTCP Gạch Men Chang Yih (UPCOM: CYC)

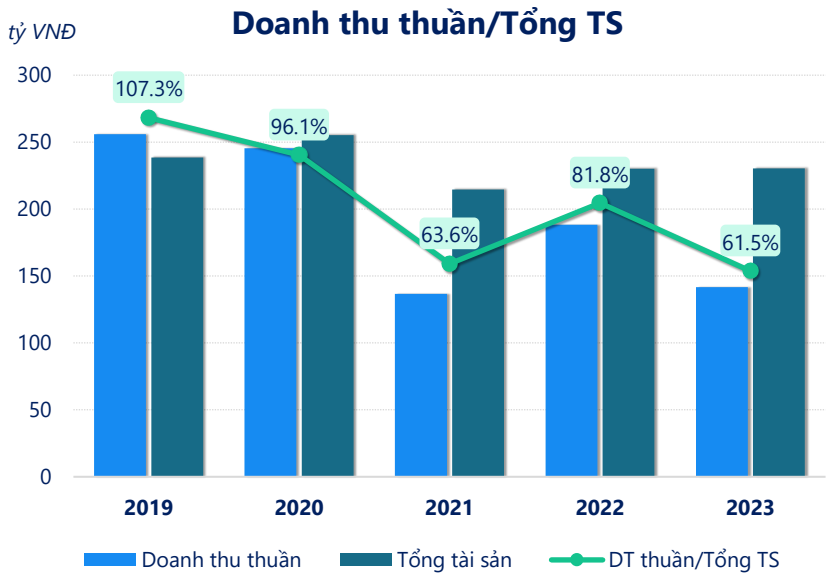


Vốn lưu động < 0 và **giảm** so với năm trước là một dấu hiệu đáng lo ngại về thanh khoản và tài chính của công ty. Có thể công ty đang gặp phải tình hình tài chính không ổn định. Công ty cần có sự quản lý tài chính hiệu quả, tái cấu trúc và tăng cường vốn lưu động.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.



Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	230	230	0.1%
Tài sản ngắn hạn	192	183	4.9%
Tiền và tương đương tiền	1.12	3.60	-68.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.90	2.53	-24.8%
Phải thu ngắn hạn	13.1	16.3	-19.3%
Hàng tồn kho	172	154	12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.67	6.91	-46.9%
Tài sản dài hạn	38.3	47.0	-18.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	36.1	44.0	-18.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.25	3.01	-25.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	324	313	3.4%
Nợ ngắn hạn	308	297	3.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	116	2.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.8	71.9	-8.5%
Nợ dài hạn	16.0	16.0	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.0	16.0	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-93.6	-83.1	-12.5%
Vốn chủ sở hữu	-93.6	-83.1	-12.5%
Vốn điều lệ	90.5	90.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	256	245	137	188	142
Giá vốn hàng bán	232	228	155	174	129
Lợi nhuận gộp	23.9	17.6	-18.6	14.4	12.4
Doanh thu HĐTC	0.35	0.35	1.34	0.11	0.21
Chi phí TC	8.77	10.3	6.42	6.02	10.7
Chi phí lãi vay	8.74	9.90	5.03	2.36	7.47
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	14.7	9.25	5.01	5.31	4.96
Chi phí QLDN	12.0	11.2	8.59	9.84	6.64
LN thuần từ HĐKD	-11.2	-12.7	-37.2	-6.70	-9.61
Lợi nhuận khác	-2.13	-1.44	-0.62	-1.03	-0.81
LN trước thuế	-13.3	-14.2	-37.8	-7.73	-10.4
Lợi nhuận sau thuế	-13.3	-14.2	-37.8	-7.73	-10.4
LNST của CĐ cty mẹ	-13.3	-14.2	-37.8	-7.73	-10.4

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.1	-17.5	2.61	5.01	-3.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.21	-1.49	-0.11	-4.50	0.75
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	5.00	-5.00	1.30	0
Tiền đầu kỳ	6.32	18.3	4.29	1.78	3.60
Lưu chuyển tiền thuần	11.9	-14.0	-2.50	1.81	-2.48
Ảnh hưởng tỷ giá	0.11	0	0.00	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	18.3	4.29	1.78	3.60	1.12